TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN HẠ HOÀ- TỈNH PHÚ THỌ	**Độc lập - Tự do - Hanh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 4 năm 2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HOÀ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Mạnh Tiến
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Ngô Ngọc Khương.
- Ông Lê Thiết Hùng.
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan - Thư ký Tòa án.
- *Đại diện VKSND huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa*: Bà Đinh Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 và thông báo mở lại phiên tòa số 21/TB-PT ngày 18/4/2022 giữa các đương sự:
Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị T,** sinh năm 1984.
Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc P,** sinh năm 1981.
Đều có địa chỉ: Khu 12, xã T, huyện H, tỉnh Phú Thọ.
(Chị T có mặt, anh P vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Bùi Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quốc P kết hôn ngày 11/10/2002 hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã Y (Nay là xã T), huyện H, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị về ở chung cùng bố mẹ đẻ anh P tại khu 5, xã Y (Nay là khu 12 xã T), huyện H, tỉnh Phú Thọ và lao động tự do. Năm 2009 vợ chồng chị cùng bố mẹ đẻ anh P làm nhà trên đất của bố mẹ đẻ anh P. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Xác

định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thế A, sinh ngày 26/01/2004 và cháu Nguyễn Giao Quỳnh A, sinh ngày 19/6/2006. Hiện nay cháu Nguyễn Thế A đã thành niên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Giao Quỳnh A và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị cho cháu Quỳnh A.

Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T nhận nộp theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra chị không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án,Tòa án đã triệu tập, báo gọi nhiều lần nhưng anh P không có mặt làm việc. Qua xác minh tại địa phương UBND T, huyện H và bà Phan Thị Thanh H là mẹ đẻ của anh P cho biết: Chị T, anh P trong khoảng thời gian chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau. Chị T và anh P đã sống ly thân không chung sống cùng nhau. Chị T mở quán bán hàng tại thị trấn H còn anh P ở cùng gia đình bà và đi làm ăn tự do, thường xuyên liên lạc về cho gia đình bằng điện thoại. Chị T và anh P sống ly thân không quan tâm đến nhau. Về con chung: Chị T và anh P có hai con chung Nguyễn Thế A, sinh ngày 26/01/2004 và Nguyễn Giao Quỳnh A, sinh ngày 19/6/2006. Anh Nguyễn Quốc P đi làm ăn bận công việc không có điều kiện về Tòa án làm việc. Mẹ đẻ anh P là bà Phan Thị Thanh H và gia đình bà đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án đã thông báo cho anh P được biết việc chị T giải quyết ly hôn tại TAND huyện Hạ Hòa. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng của chị T. Đại diện chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của vợ chồng giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu quá trình thụ lý, trình tự giải quyết. Tiến hành đúng theo thủ tục tố tụng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án xét xử cho chị T được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Quốc P có hai con chung là cháu Nguyễn Thế A, sinh ngày 26/01/2004 và cháu Nguyễn Giao Quỳnh A, sinh ngày 19/6/2006. Hiện nay cháu Nguyễn Thế A đã thành niên không đặt ra giải quyết. Xử giao cháu Nguyễn Giao Quỳnh A cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T cho cháu Quỳnh A do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết, nếu sau này có tranh chấp có căn cứ pháp luật thì Tòa án xem xét giải quyết sau bằng một vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh Nguyễn Quốc P hợp lệ để có mặt tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập và thông báo hợp lệ. Xác định vụ án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn cố tình vắng mặt được quy định tại khoản 1 điều 207 của BLTTDS.

Ngày 31/3/2022 Tòa án đưa vụ án ra xét xử anh Nguyễn Quốc P vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các điều 227, 233 và 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.Tại phiên tòa hôm nay chị T có mặt, anh P vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227. Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Quốc P kết hôn ngày 11/10/2022 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện được UBND xã Y (Nay là xã T), huyện H, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn. Đây là một hôn nhân hợp pháp, phù hợp với pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị về ở chung cùng bố, mẹ đẻ anh P. Đến năm 2009 vợ chồng và bố mẹ anh P làm nhà và ở chung trên đất của bố mẹ đẻ anh P tại khu 5 xã Y (Nay là khu 12, xã T), huyện H, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung. Xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh P như chị T trình bày và như Tòa án xác minh tại địa phương.

Tòa án đã thụ lý hồ sơ triệu tập các bên đương sự đến để tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải chị T có mặt, anh P vắng mặt. Quá trình xác minh tại địa phương mẹ đẻ anh P thì được biết: Tòa án đã triệu tập báo gọi nhiều lần thì anh P đều đã được biết Tòa án báo, triệu tập anh đến Tòa án để làm việc về việc chị T xin ly hôn anh (Mẹ đẻ anh và gia đình đã nhận giấy báo và thông báo lại cho anh biết các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa) nhưng anh đều

vắng mặt. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của vợ chồng giải quyết vụ án vì anh P cố tình không hợp tác làm việc. Lời khai của chị T phù hợp với kết quả xác minh tại gia đình và địa phương nơi anh P cư trú. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh P đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được do vậy chấp nhận yêu cầu của chị T xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc P.

[3] Về con chung: Chị T và anh P có hai con chung là cháu Nguyễn Thế A, sinh ngày 26/01/2004 và cháu Nguyễn Giao Quỳnh A, sinh ngày 19/6/2006. Hiện nay cháu Nguyễn Thế A đã thành niên chị T không đề nghị Tòa án giải quyết, Tòa án không đặt ra giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh P đều cố tình không có mặt. Cháu Nguyễn Giao Quỳnh A có nguyện vọng xin được ở với chị T nên sau ly hôn nên giao cháu Nguyễn Giao Quỳnh A cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T cho cháu Quỳnh A do chị T không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp chị T không đề nghị giải quyết. Nhưng hiện nay anh P vắng mặt, nếu sau này có tranh chấp khi có mặt của anh P nếu có yêu cầu đề ghị có căn cứ pháp luật thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: - Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Xử: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc P.

Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Quốc P có hai con chung là cháu Nguyễn Thế A, sinh ngày 26/01/2004 và cháu Nguyễn Giao Quỳnh A, sinh ngày 19/6/2006. Hiện nay cháu Nguyễn Thế A đã thành niên chị T không đề nghị Tòa án giải quyết, Tòa án không đặt ra giải quyết. Giao cho chị Bùi Thị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Giao Quỳnh A, sinh ngày 19/6/2006 kể từ tháng 4 năm 2022 cho đến khi cháu thành niên. Anh Nguyễn Quốc P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T cho cháu Nguyễn Giao Quỳnh A.

Chị T, anh P đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ, cho vay chung công sức đóng góp chị T không đề nghị giải quyết. Nhưng hiện nay anh P vắng mặt, nếu sau này có tranh chấp khi có mặt của anh P nếu có yêu cầu đề nghị, có căn cứ pháp luật thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết sau bằng một vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hoà theo biên lai thu số AA/2020/0004781 ngày 02/12/2021 (xác nhận đã nộp đủ).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại khoản 2, điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hàn án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm chị T có mặt được quyền kháng cáo, anh P vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án, hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã T nơi cư trú, lên TAND tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- Các đương sự
- VKSND huyện Hạ Hòa
- UBND xã T.
- CCTHADS Huyện Hạ Hòa
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Tô Mạnh Tiến